UBND HUYỆN LẠNG GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ

Số: 382/QĐ-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Giang, ngày 06 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LẠNG GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo xét duyệt quyết toán số 161/TB-SYT ngày 30/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của phụ trách phòng Tài chính - Kế toán Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang *(Theo biểu chi tiết đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các khoa, phòng, TYT xã và các bộ phận liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND huyện (bc);
- Website TTYT;
- Lưu: TC-KT, VT.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LẠNG GIANG

Nguyễn Đức Mạnh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang

Chương: 799

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 382 /QĐ- TTYT ngày 06 / 5 / 2025 của Trung tâm Y tế huyện Lạng Giang)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu**	**57.704.708.083**	**57.704.708.083**		
	Số thu hoạt động tài chính	35.249.044	35.249.044		
	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh	57.669.459.039	57.669.459.039		
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**				
1	**Chi sự nghiệp Y tế**	**54.983.599.381**	**54.983.599.381**		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	54.983.599.381	54.983.599.381		
	Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	54.979.644.289	54.979.644.289		
	Chi từ hoạt động tài chính	3.955.092	3.955.092		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**10.822.769**	**10.822.769**		
1	Thuê TNDN	10.822.769	10.822.769		
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**46.615.695.743**	**46.615.695.743**		
1.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**34.579.713.744**	**34.579.713.744**		
	Loại 130-132 Khối TYT	25.269.211.917	25.269.211.917		
	Loại 130-151 Khối dân số	2.943.669.731	2.943.669.731		
	Loại 130-131 Khối dự phòng	6.366.832.096	6.366.832.096		
1.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**12.035.981.999**	**12.035.981.999**		
	Loại 130-131 Khối Dự phòng	610.927.200	610.927.200		
	Loại 130-132 Khối điều trị	10.485.970.999	10.485.970.999		
	Loại 130-132 Khối TYT	843.086.500	843.086.500		
	Loại 130-151 Khối Dân số	95.997.300	95.997.300		